

Biểu số 3

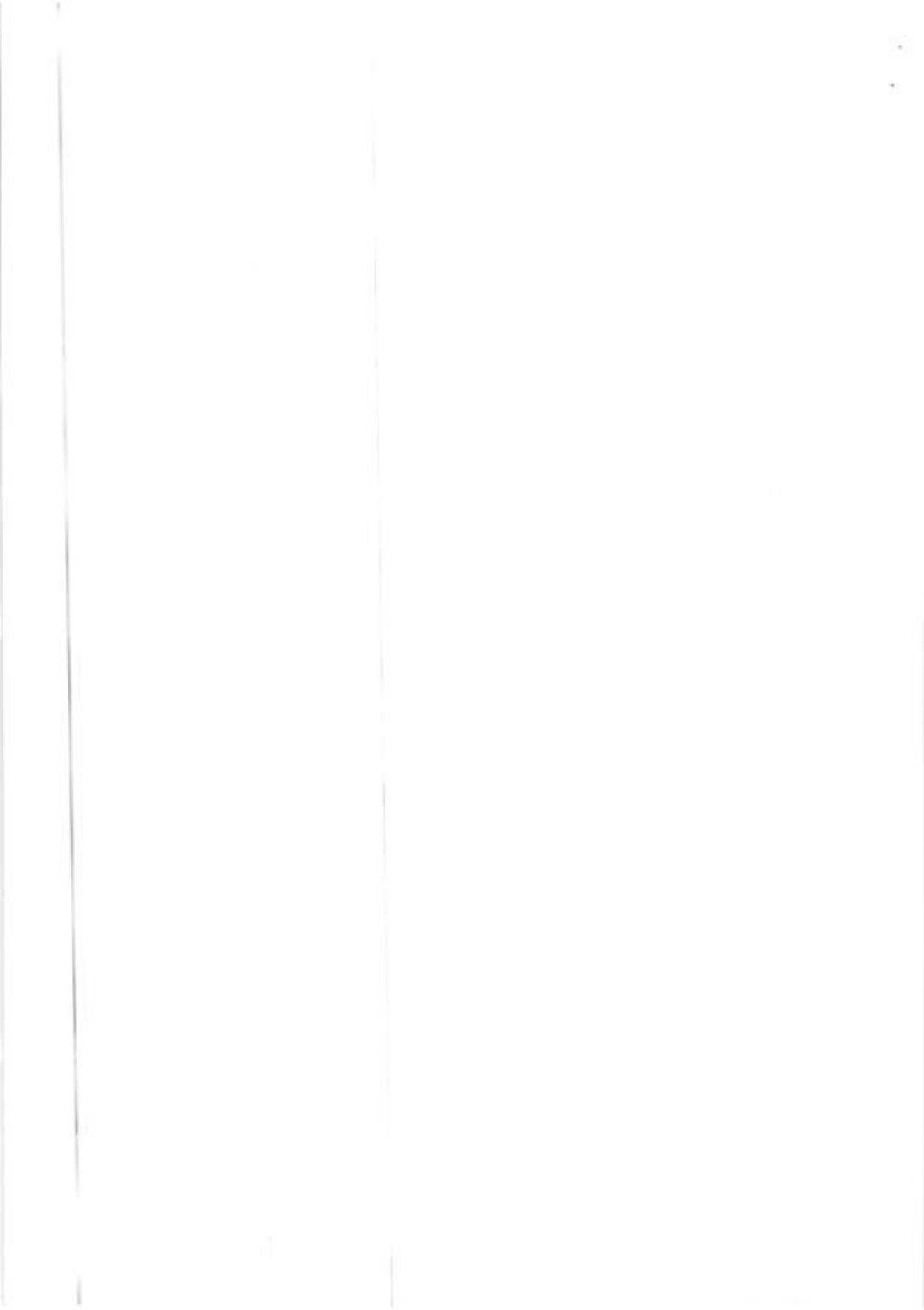
Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **SỞ CÔNG THƯƠNG**
Mã Chương: **416**

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2017
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	334.3	110.3	33%	335%
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	334.3	110.3	33%	335%
1	Phí cấp giấy phép sử dụng VLNCN	47	42	89%	6%
2	Phí thẩm xét, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	184.5	35	19%	95%
3	Phí lệ phí cấp giấy chứng nhận Đ ĐKĐKKD LPG, Xăng dầu	95	32.2	34%	338%
4	Phí cấp giấy phép hoạt động điện lực	3.3	1.1	33%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	308	11.8	0.04%	38%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	308	11.8	0.04%	38%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	105.3	27.7	26%	108%
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí	105.3	27.7	26%	108%
1	Phí cấp giấy phép sử dụng VLNCN		4.2		
2	Phí thẩm xét, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP		7.3		202%
3	Phí lệ phí cấp giấy chứng nhận Đ ĐKĐKKD LPG, Xăng dầu		16.1		435%
4	Phí cấp giấy phép hoạt động điện lực		0.1		



II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.272	3.825	53%	1.07%
1	Chi quản lý hành chính	7.272	1.311	18%	1.07%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.753	1.111	23%	94%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.519	200	0.08%	246%
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				

1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 06 tháng 10 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Ngọc Minh

